

Số: /QĐ-UBND

Phù Liễn, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Nội quy bảo vệ bí mật nhà nước
của Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÙ LIỄN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 102/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; các phòng, ban, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực Hội đồng nhân dân phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng, đơn vị thuộc phường;
- Công an, Ban Chỉ huy Quân sự phường;
- Các Tổ dân phố thuộc phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Diện

NỘI QUY

Bảo vệ bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nội quy này quy định về xác định bí mật Nhà nước và độ mật của bí mật Nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận, mang ra khỏi nơi lưu giữ; tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật Nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước; phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật Nhà nước; chế độ thông tin, báo cáo; trách nhiệm của các phòng, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân phường trong tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nội quy này áp dụng đối với các phòng, ban, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân phường.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định bí mật Nhà nước và độ mật của bí mật Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (theo lĩnh vực được phân công phụ trách) có trách nhiệm xác định bí mật Nhà nước, độ mật của bí mật Nhà nước dựa trên cơ sở Danh mục bí mật Nhà nước trong các lĩnh vực có liên quan và phạm vi lưu hành của bí mật Nhà nước. Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.

Về xác định độ mật tương ứng được quy định tại khoản 3, Điều 10, Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2025.

2. Khi soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc Danh mục bí mật Nhà nước, cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan lập phiếu đề xuất, hoặc phiếu trình trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, Ủy ban nhân dân phường xác định bí mật Nhà nước và độ mật của bí mật Nhà nước. Trong phiếu đề xuất độ mật phải ghi rõ tên bộ phận đề xuất, người soạn thảo văn bản, mức độ mật đề xuất, căn cứ đề xuất độ mật, nơi nhận, số lượng bản phát hành, thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước quy định tại khoản 2, Điều 19, Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2025.

3. Thẩm quyền ký văn bản bí mật Nhà nước, văn bản điện tử bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân phường là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường được phép ký các văn bản có nội dung được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phân công phụ trách.

4. Tài liệu bí mật Nhà nước (*gồm cả bản gốc, bản chính, dự thảo văn bản*) phải đóng dấu chỉ độ mật, dấu thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước (*nếu có*); thể hiện phạm vi lưu hành, số lượng tài liệu, tên người soạn thảo ở mục nơi nhận của tài liệu.

5. Mẫu dấu chỉ độ mật được quy định tại mục II, phụ lục I kèm theo Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Mẫu dấu thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước được quy định tại mục IV, phụ lục I kèm theo Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Vị trí đóng dấu chỉ độ mật, thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước được quy định tại mục I, phụ lục I kèm theo Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

6. Cách thức xử lý khi xác định sai bí mật Nhà nước, xác định sai độ mật của bí mật Nhà nước

Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 63/2006/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định: *“Trường hợp xác định sai bí mật Nhà nước, xác định sai độ mật của bí mật Nhà nước, cơ quan, tổ chức xác định phải có văn bản thu hồi hoặc văn bản đính chính về bí mật Nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước đã xác định sai.*

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được văn bản thu hồi bí mật Nhà nước có trách nhiệm gửi lại bí mật Nhà nước đã tiếp nhận theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức xác định. Trường hợp nhận được văn bản đính chính về bí mật Nhà nước, độ mật của bí mật Nhà nước, cơ quan, tổ chức nhận bí mật nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

Điều 4. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho phép cán bộ, công chức thực hiện sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước mức độ Tối Mật và Mật (*được quy định tại Điều khoản 2, 3, Điều 11, Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước năm 2025*).

Trường các phòng thuộc Ủy ban nhân dân phường có thẩm quyền cho phép sao chụp tài liệu vật chứa bí mật Nhà nước độ Mật (*được quy định tại khoản 3, Điều 11, Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước năm 2025*).

2. Trình tự, thủ tục sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước. Trường hợp sao nhiều bản thì cơ quan, tổ chức thực hiện nhân bản từ bản sao đầu tiên, đã được đóng dấu “*Bản sao bí mật nhà nước*”, có chữ ký của người có thẩm quyền cho phép sao chụp (*để trống dòng bản số, nơi nhận*); sau đó đóng dấu tròn của đơn vị trên các bản sao, ghi trực tiếp bản sao số, nơi nhận tại mẫu dấu Bản sao bí mật Nhà nước. Trường hợp sao từ bản giấy sang văn bản điện tử được thực hiện bằng việc số hóa văn bản giấy và ký số của người có thẩm quyền cho phép sao (*điểm b, Khoản 3, Điều 5, Nghị định 63*).

Trường hợp sao từ bản in văn bản điện tử bí mật nhà nước thì cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục sao như sao tài liệu bí mật Nhà nước từ bản giấy sang bản giấy.

Người thực hiện sao chụp phải hủy bỏ ngay bản dư thừa, bản hỏng khi tiến hành sao, chụp và việc hủy bỏ bảo đảm không thể khôi phục.

Chỉ có duy nhất 01 hình thức sao là bản sao bí mật Nhà nước.

3. Mẫu dấu bản sao bí mật Nhà nước được quy định tại mục I, phụ lục II kèm theo nghị định số 63/2026/NĐ-CP

Dấu “**BẢN SAO BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**” được đóng ở phía dưới cùng tại trang cuối cùng của bản sao tài liệu bí mật Nhà nước.

Điều 5. Thống kê, lưu trữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước

1. Tài liệu chứa bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân phường, các phòng, ban, đơn vị khi tiếp nhận, phát hành theo trình tự thời gian và từng độ mật.

2. Bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân phường, các phòng, ban, đơn vị phải lưu giữ bảo quản tại những khu vực, địa điểm kiên cố, được trang bị phương tiện bảo đảm phòng, chống cháy, nổ và có phương án phòng ngừa, ngăn chặn các đối tượng xấu đột nhập, lấy cắp bí mật Nhà nước.

Điều 6. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

1. Việc vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước do chuyên viên làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước hoặc văn thư của cơ quan thực hiện.

2. Chuyên viên làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước hoặc văn thư đơn vị thực hiện việc giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 13, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 6, Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

3. Chỉ sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 khi thực hiện việc chuyển giao tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước qua đường bưu chính.

Điều 7. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho phép cán bộ, công chức trong cơ quan mang tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước độ Mật và Tối mật ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác ở trong nước.

2. Trình tự, thủ tục mang tài liệu vật chứa bí mật Nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác ở trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 14, Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước và Điều 7, Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Điều 8. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, người Việt Nam

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, tổ chức người Việt Nam được giao nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước độ Mật.

2. Trình tự, thủ tục cung cấp, chuyển giao bí mật Nhà nước cho cơ quan, tổ chức người Việt Nam được giao nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 15, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025.

Điều 9. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 1, Điều 17, Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước năm 2025.

2. Đại biểu tham dự các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước phải đúng với thành phần trong giấy mời, giấy triệu tập.

3. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước và việc sử dụng các thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình vào trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 và Điều 8, Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

4. Sau khi kết thúc hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước, người tham dự phải nộp lại tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước cho Ban Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

Điều 10. Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước

Tại khoản 1, Điều 19, Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2025: Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước là khoảng thời gian được tính từ ngày xác định độ mật của bí mật Nhà nước đến hết thời gian sau đây:

- 30 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật;
- 20 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tối mật;
- 10 năm đối với bí mật Nhà nước độ Mật.

2. Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước có thể ngắn hơn thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 19, và phải xác định tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước bằng dấu “*Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước*” hoặc hình thức phù hợp khác khi xác định độ mật.

3. Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước đối với tài liệu bí mật Nhà nước là dự thảo hoặc tài liệu khác không thể hiện ngày xác định độ mật thì được xác định bằng dấu “*Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước*”.

4. Trường hợp sử dụng bí mật Nhà nước của cơ quan, tổ chức khác, thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước được tính từ ngày cơ quan, tổ chức khác xác định bí mật Nhà nước và thực hiện bằng dấu “*Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước*”.

5. Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước về địa điểm kết thúc khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không sử dụng địa điểm bí mật Nhà nước.

Điều 11. Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước

Được quy định tại Điều 20, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 9, Nghị định 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Điều 12. Điều chỉnh độ mật

Được quy định tại Điều 21, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 10, Nghị định 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Điều 13. Giải mật

Được quy định tại Điều 22, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 11, Nghị định 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Điều 14. Tiêu hủy bí mật Nhà nước

Được quy định tại Điều 23, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 11, Nghị định 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

Điều 15. Phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; các phòng, ban, đơn vị phân công công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân phường và các phòng, ban, đơn vị.

2. Chuyên viên được phân công kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước phải bảo đảm các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4, Điều 3, Nghị định số 63/2026/NĐ-CP, ngày 28/02/2026 của Chính phủ.

CHƯƠNG II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Điều 16. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường

1. Giúp Ủy ban nhân dân phường ban hành các văn bản về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.
2. Định kỳ phối hợp với Công an phường giúp Ủy ban nhân dân quận tiến hành sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn phường theo quy định.

Điều 17. Công an phường

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn phường.
2. Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.
3. Phối hợp bộ phận Tài chính - Kế toán của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; các phòng, ban, đơn vị đề xuất Ủy ban nhân dân phường bố trí kinh phí phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước cho các phòng, ban, đơn vị.
4. Chủ trì, phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giúp Ủy ban nhân dân phường định kỳ sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn phường theo yêu cầu của Thường trực Ban Chỉ đạo bảo vệ bí mật Nhà nước thành phố.

Điều 18. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

1. Chủ trì, phối hợp Công an, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường đề xuất Ủy ban nhân dân phường bố trí kinh phí phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước cho các phòng, ban, đơn vị.
2. Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị bố trí, sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định.

Điều 19. Người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị thuộc phường

1. Đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước, Nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn phường.
2. Kịp thời thông báo và phối hợp Công an phường khi xảy ra lộ, lọt, mất bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.
3. Thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước khi cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, chết hoặc lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật Nhà nước.

Điều 20. Người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật Nhà nước

1. Người tiếp cận bí mật Nhà nước có trách nhiệm:
 - a. Tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước của phòng, ban, đơn vị.
 - b. Thực hiện các biện pháp bảo vệ bí mật Nhà nước.
 - c. Sử dụng bí mật Nhà nước đúng mục đích.
 - d. Thực hiện các yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp bí mật Nhà nước.
2. Người trực tiếp quản lý bí mật Nhà nước có trách nhiệm:
 - a. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1, Điều này.
 - b. Đề xuất người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ bí mật Nhà nước do mình quản lý trực tiếp.
 - c. Báo cáo ngay lãnh đạo cơ quan, đơn vị về các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước để kịp thời ngăn chặn, xử lý.
 - d. Bàn giao bí mật Nhà nước cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý và cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước đã quản lý trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, hoặc lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật Nhà nước.

**CHƯƠNG IV
THÔNG TIN, BÁO CÁO****Điều 21. Chế độ thông tin, báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước**

1. Cơ quan, đơn vị định kỳ 01 năm một lần sơ kết công tác bảo vệ bí mật Nhà nước; 05 năm một lần tổng kết công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.
2. Cơ quan, đơn vị thực hiện việc báo cáo đột xuất ngay sau khi phát hiện vụ lộ, mất bí mật Nhà nước, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan đơn vị liên quan của thành phố.
3. Nội dung báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước gồm:
 - a. Phân tích, đánh giá tình hình liên quan đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước;
 - b. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước; ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm;
 - c. Tình hình, số liệu các vụ lộ, mất bí mật Nhà nước; nguyên nhân và việc xử lý, khắc phục hậu quả;
 - d. Dự báo tình hình; dự kiến công tác trọng tâm bảo vệ bí mật Nhà nước trong thời gian tới và các đề xuất, kiến nghị.

CHƯƠNG V

KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Công an phường phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tại cơ quan, đơn vị.

2. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, đơn vị có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước hoặc xét thấy cần thiết phải tiến hành kiểm tra.

3. Khi có khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật Nhà nước, Công an phường phối hợp các cơ quan, đơn vị giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 23. Khen thưởng

Cơ quan, đơn vị và cá nhân có thành tích sau đây được khen thưởng theo quy định:

1. Kịp thời phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Khắc phục khó khăn, nguy hiểm để bảo vệ an toàn cho thông tin, tài liệu bí mật Nhà nước trong trường hợp bí mật Nhà nước bị các đối tượng xấu đe dọa khai thác hoặc lấy cắp.

3. Kịp thời ngăn chặn hoặc hạn chế được hậu quả do việc làm lộ, mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật Nhà nước do người khác gây ra.

4. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân vi phạm các quy định của Nội quy này, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng phòng, ban, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc Nội quy này.

2. Công an phường chủ trì phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nội quy này.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (*qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*) để được xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết./.